

**XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025**

Tên đơn vị: Trường THPT Ngô Sỹ Liên

Địa chỉ: Tổ 5 – tổ dân phố Chiến Thắng - thị trấn Xuân Mai – huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội

Điện thoại: 02462942866

Mail: c3ngosylien@hanoiedu.vn

Căn cứ xác định chỉ tiêu:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14;
- Điều 27, Điều 28 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ ban hành Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;
- Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông; Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ GDĐT về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tự thực (Có hiệu lực thi hành từ ngày 11/02/2022);
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.
- Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 11/11/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc tăng cường quản lý hoạt động các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Nội dung xác định như sau:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức bộ máy và đội ngũ

Tiêu chí 1. Trường học

- Quyết định thành lập số 675/QĐ-UBND ngày 6/7/2000 của Chủ tịch UBND Tỉnh Hà Tây về việc thành lập trường THPT Dân Lập Xuân Mai;

- Quyết định số 1702/QĐ- UBND ngày 23/6/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội) về việc đổi tên trường THPT Dân Lập Xuân Mai thành THPT Ngô Sỹ Liên.

- Quyết định số 2433/QĐ- UBND ngày 4/4/2013 của Chủ tịch UBND TP Hà Nội về việc chuyển đổi loại hình trường dân lập sang loại hình trường tư thục;

- Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu và công tác quản lý dấu số 248981/ĐKMD - PC 64 ngày 29/1/2013

- Quy chế tổ chức và hoạt động.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2. Các tổ chức đoàn thể

- Nhà đầu tư hoặc Hội đồng quản trị/Hội đồng trường Quyết định số 248/QĐ-SGDĐT ngày 7/2/2023 của Giám đốc sở GD và ĐT Hà Nội về việc công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường Trường THPT Ngô Sỹ Liên

- Nhà trường có 4 tổ chuyên môn và 1 tổ Văn phòng

- Nhà trường có tổ chức Đảng với 16 Đảng viên

- Nhà trường có tổ chức Công đoàn 25 đoàn viên

- Nhà trường có tổ chức Đoàn Thanh niên CS Hồ Chí Minh với 320 đoàn viên.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3. Đội ngũ

- Cán bộ quản lý

+ Hiệu trưởng. **Nguyễn Quang Chung** quyết định số 314/QĐ- SGDĐT ngày 24/02/2021 v/v Công nhận Hiệu trưởng trường THPT Ngô Sỹ Liên

- Tổng số giáo viên: 25 người

+ Trình độ giáo viên đại học : 25 người; trên đại học: 02 người.

+ GV cơ hữu: 17 người, chiếm 68%.

+ GV thỉnh giảng (có hợp đồng thỉnh giảng): 8 người, chiếm 32%.

- Tổng số nhân viên: 07 (cơ hữu: 07 người, chiếm 100%), trong đó:

+ Bộ phận hành chính: 03 người.

+ Cán bộ thí nghiệm: 01 người.

+ Cán bộ thư viện: 01 người.

+ Nhân viên y tế: 01 người.

+ Nhân viên kế toán: 01 người.

Tự đánh giá: Đạt

(*Chú ý: Định mức giáo viên với THPT là 2,25 GV/lớp, có đủ các bộ môn với trình độ từ ĐH trở lên, nếu tổng số GV thấp hơn định mức thì không đạt. GV cơ hữu có đóng BHXH hoặc có hợp đồng dài hạn, thời gian làm việc liên tục tại đơn vị. Tỷ lệ GV cơ hữu cấp THPT nếu ít hơn 40% thì coi như tiêu chí này không đạt).*

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: Đạt

(*Chú ý: Nguyên tắc đánh giá tiêu chuẩn 1, điều kiện tiên quyết có Hiệu trưởng và tỷ lệ GV cơ hữu phải đạt tối thiểu 40%. Nếu vi phạm điều kiện tiên quyết thì tiêu chuẩn 1 không đạt).*

Tiêu chuẩn 2: Về cơ sở vật chất

Tiêu chí 1. Diện tích đất trường học

- + Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy.cấp ngày 28/5/2009 phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy cấp
- + Phương án phòng cháy chữa cháy của đơn vị.

Tự đánh giá: Đạt

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: Đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá tiêu chuẩn 2, điều kiện tiên quyết là nhà trường đảm bảo điều kiện phòng cháy chữa cháy và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc có Hợp đồng thuê mượn địa điểm theo đúng quy định; không sử dụng tầng cao công trình trên tầng 5 làm phòng học. Nếu vi phạm điều kiện tiên quyết thì tiêu chuẩn 2 không đạt).

Tiêu chuẩn 3: Công tác chuyên môn

Tiêu chí 1. Công tác chỉ đạo của chuyên môn

- Sở Nghị quyết, sở họp hội đồng sư phạm, có đầy đủ đúng theo quy định
- Kế hoạch chỉ đạo chuyên môn: Kế hoạch năm học, Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp, Kế hoạch dạy nghề, Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, Kế hoạch chuyên môn,...
- Kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2. Tổ nhóm chuyên môn và giáo viên

- Sổ sách sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo quy định. có đầy đủ sổ sách theo quy định chuyên môn
- Hồ sơ sổ sách của từng giáo viên theo quy định.

Tự đánh giá: Đạt

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: Đạt

Tiêu chuẩn 4: Công tác tài chính

Tiêu chí 1. Công tác thu và chi

- Công tác thu
 - + Tổng thu học phí: 2.235.000.000. VNĐ.
 - + Tổng các khoản thu khác của trường 0 VNĐ.
 - + Mức thu học phí bình quân của 01 học sinh/1tháng:

Năm học	Học phí lớp 10 (VNĐ)	Học phí lớp 11 (VNĐ)	Học phí lớp 12 (VNĐ)
2023-2024	750.000	750.000	750.000
2024-2025	900.000	900.000	900.000
2025-2026	1.000.000	1.000.000	1.000.000
2024 - 2025	1.000.000	1.000.000	1.000.000

- Công tác chi

Tổng chi: 2.215.000.000 đồng, trong đó:

- + Chi trả lương và các khoản khác theo lương: 1.354.080.000 VNĐ
- + Chi mua sắm trang thiết bị, sách thư viện: 64.732.000 VNĐ
- + Chi đầu tư xây dựng cơ bản : 299.766.000 VNĐ

+ Chi đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động: 434.493.000 VNĐ

+ Chi đóng bảo hiểm y tế cho người lao động: 61.929.000 VNĐ

Tự đánh giá: Đạt

(Chú ý: Nếu đơn vị không công khai mức thu học phí và mức chi thì tiêu chí này không đạt).

Tiêu chí 2. Thực hiện báo cáo tài chính

- Mở sổ sách tài chính theo quy định.
- Đăng ký mã số thuế theo quy định
- Báo cáo tài chính và quyết toán thuế năm T (T=năm tuyển sinh -1). Có X
- Báo cáo Kiểm kê định giá giá trị tài sản năm T (T=năm tuyển sinh - 1). Có X
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm T (T=năm tuyển sinh -1). Có X
- Nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan quản lý tài chính và giáo dục cấp trên. Có X
- Bảng lương của trường (12 tháng/năm).
- Quy chế chi tiêu nội bộ.

Tự đánh giá: Có

Tiêu chí 3. Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/TT-BGDĐT

- Biểu mẫu cam kết thực hiện ba công khai theo quy định.
- Hình thức công khai
- Thực hiện thông tin báo cáo định kỳ.

Tự đánh giá: Có

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4:

Đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá về tiêu chuẩn 4, điều kiện tiên quyết đơn vị có đủ báo cáo tài chính và báo cáo quyết thuế năm 2020, năm 2021, nếu thiếu thì tiêu chuẩn 4 không đạt; Báo cáo Tài chính có đầy đủ các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; các hồ sơ theo quy định của cơ quan thuế và Thông báo chấp nhận việc nộp hồ sơ của cơ quan thuế đối với báo cáo của đơn vị; thực hiện nghiêm túc Luật Bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm xã hội cho giáo viên cơ hữu và người lao động trong đơn vị theo đúng quy định).

Tiêu chuẩn 5. Công tác tuyển sinh và Kiểm định chất lượng giáo dục

Tiêu chí 1. Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh

1. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bảo đảm tính toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan, vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên khuyến khích học sinh tiến bộ; chú trọng đánh giá quá trình học tập của học sinh; đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; không so sánh học sinh này với học sinh khác và không gây áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.
3. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học

phổ thông. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp không đạt yêu cầu thì được hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

4. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, bảo đảm yêu cầu đánh giá vì sự phát triển học sinh, thúc đẩy các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tự đánh giá: Có

Tiêu chí 2. Thực hiện quy định về tuyển sinh

- + Thời gian tuyển sinh có đúng theo quy định không. Có
- + Địa điểm tuyển sinh có đúng theo như đã đăng ký không. Có
- + Chỉ tiêu giao: 270 học sinh. Số học sinh đã tuyển: 72 học sinh.
- + Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Tự đánh giá: Có

Tiêu chí 3. Quản lý hồ sơ học sinh.

- + Hồ sơ tuyển sinh (Hợp lệ/không lệ): Có chứng nhận đầu vào khối 10 hợp lệ
- + Danh sách học sinh chuyển đi, chuyển đến, bỏ học.
- + Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

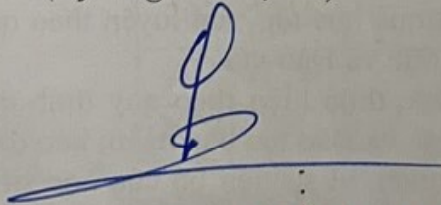
Tự đánh giá: Có

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: Đạt

Chú ý: Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo đủ điều kiện và Hồ sơ kèm theo minh chứng pháp lý theo quy định; Đơn vị nào vi phạm một trong ba tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2 và Tiêu chuẩn 4) sẽ không đủ điều kiện tuyển sinh.

CHỦ TỊCH HĐQT

(Ký và ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Huy Lực

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



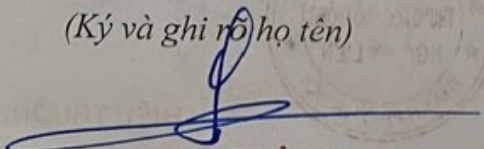
HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Quang Chung

Phụ lục 1:
BIỂU TỔNG HỢP TRÌNH ĐỘ GIÁO VIÊN

TT	Giáo viên môn	Tổng số	Chia ra		Chia theo trình độ đào tạo			
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Khác
1	Ngữ văn	3	2	1	3			
2	Lịch sử	1	1		1			
3	Địa lý	1	1		1			
4	GD công dân	3	1	2	3			
5	Tiếng Anh	3	1	2	3	1		
6	N.Ngữ khác							
7	Toán học	4	3	1	4	1		
8	Vật lý	2	1	1	2			
9	Hóa học	1	1		1			
10	Sinh học	1		1	1			
11	Công nghệ	1	1		1			
12	Tin học	2	2		2			
13	GD thể chất	2	2		2			
14	GD quốc phòng	1	1		1			
	Tổng cộng	25	17	8	25	2		
	Tỷ lệ %		68	32	100	8		

(Có danh sách giáo viên kèm theo)

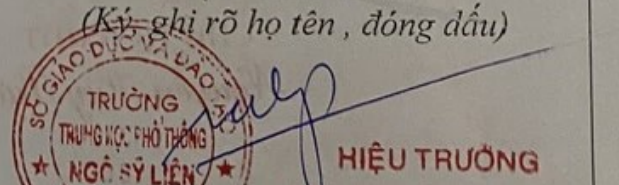
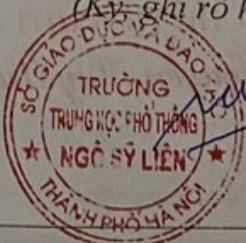
CHỦ TỊCH HĐT
 (Ký và ghi rõ họ tên)


CHỦ TỊCH HĐT
 Nguyễn Huy Lực

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

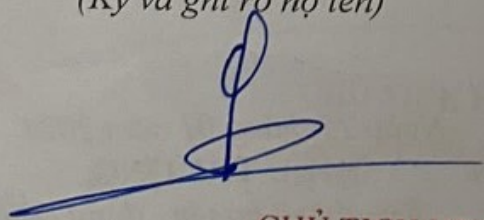
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
 Nguyễn Quang Chung

Phụ lục 2:
**DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU
 THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GDĐT**

TT	Môn học	Đơn vị tính	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
1	Toán học	Bộ	30	25	34	
2	Vật lý	Bộ	25	35	40	
3	Hoá Học	Bộ	14	12	7	
4	Sinh học	Bộ	25	20	24	
5	Địa lý	Bộ	8	14	16	
6	Công nghệ	Bộ	7	9	7	
7	Giáo dục công dân	Bộ	15	17	21	
8	Lịch sử	Bộ	4	2	2	
9	Tin học	Bộ	19	24	28	
10	Văn học	Bộ	9	4	8	
11	Ngoại ngữ	Bộ	7	5	4	
12	GD quốc phòng	Bộ	5	5	5	
13	GD Thể chất	Bộ	10	10	10	
14	Thiết bị dùng chung	Bộ	37	33	27	

CHỦ TỊCH HĐT
 (Ký và ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH HĐT
 Nguyễn Huy Lực

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

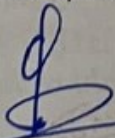



HIỆU TRƯỞNG
 Nguyễn Quang Chung

Phụ lục 3:
TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ DẠY HỌC

Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Không sử dụng được
1. Bàn ghế học sinh			
+ Loại 2 chỗ ngồi	170	170	
+ Loại 3 chỗ ngồi	100	30	
2. Bàn ghế giáo viên	30	20	
3. Bảng	30	20	
<i>T.đó: Bảng thông minh</i>			
4. Máy vi tính	35	35	
<i>Chia ra:</i>			
+ Dành cho HS	25	25	
+ Dành cho Quản lý	10	10	
+ Kết nối Internet	35	35	
5. Số máy in	4	4	
6. Máy chiếu Projecter	20	20	
7. Máy photocopy	1	1	
8. Khác	10	10	

CHỦ TỊCH HĐQT
(Ký và ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Huy Lực

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Chung

Phụ lục 4:
CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất: 4971 m²
- Tổng diện tích sử dụng: 4971 m²
- Tổng diện tích sân chơi: 2500 m²

2. Phòng học văn hóa

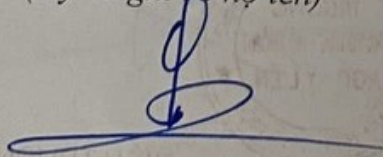
Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	36	32	4	0

3. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm, chức năng)

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý				
Phòng chuẩn bị	1	48	x	
2. Hóa học				
Phòng chuẩn bị	1	48	x	
3. Sinh học				Phòng học chung với phòng Hoá học
Phòng chuẩn bị				
4. Công nghệ				
Phòng chuẩn bị				
5. Ngoại ngữ	1	48	x	
6. Tin học	2	96	x	
Số máy vi tính		x	x	x
7. Phòng đa năng	1	48	x	
8. Thư viện	1	48	x	
Số lượng sách, tài liệu tham khảo		x	x	x
9. Nhà thể chất				
10. Phòng Y tế	1	20	x	

CHỦ TỊCH HĐQT

(Ký và ghi rõ họ tên)



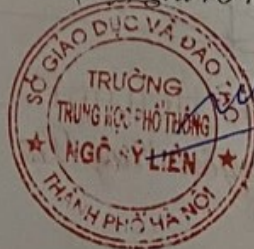
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Huy Lực

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Chung